

Bản án số: 443/2019/DS-ST
Ngày: 23-10-2019
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Phú Nhuận.

2. Bà Đỗ Thị A.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Phương – Là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy Hằng - Kiểm Sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2019/TLST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2019/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 190/2019/QĐST-DS ngày 25 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh V.

Địa chỉ trụ sở chính: 89 đường Láng H, phường Láng H, quận Đống Đ, Thành phố Hà Nội

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Bùi Quốc T (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ liên lạc: Tầng 2 số 96 đường Cao T, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Là người đại diện theo ủy quyền, Giấy ủy quyền ngày 18/10/2018).

- *Bị đơn:* Ông Lê Trung H, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: 7C khu tập thể Chí H, Phường 13, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 23/01/2017 ông Lê Trung H và Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) xác lập giao dịch vay tài sản bằng “Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử”. Theo thỏa thuận, Ngân hàng cho ông H vay 46.000.000 đồng với

mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 35%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn vay 36 tháng (từ ngày 23/01/2017 đến ngày 23/01/2020) trả gốc và lãi hàng tháng theo phương thức dư nợ giảm dần.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải Ngân đủ số tiền vay cho ông H. Tuy nhiên, ông H chỉ thanh toán cho Ngân hàng được 6 kỳ với tổng số tiền là 48.361.499 đồng, trong đó tiền gốc là 43.080.057 đồng, tiền lãi là 5.281.442 đồng. Do ông H không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên từ ngày 24/5/2017, Ngân hàng đã chuyển khoản nợ của ông H sang nợ quá Hạn.

Ngân hàng yêu cầu ông H phải trả cho Ngân hàng khoản nợ gốc còn lại là 2.919.943 đồng và khoản lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 28.114.100 đồng. Ngân hàng yêu cầu tiếp tục tính lãi với ông H từ ngày 24/10/2019 trên số tiền nợ gốc còn lại cho đến khi trả hết nợ gốc, theo mức lãi suất thỏa thuận tại “Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử” ngày 23/01/2017.

Ngoài ra, ngày 21/4/2017 Ngân hàng và ông H lại xác lập một giao dịch vay tài sản bằng “Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ Ngân hàng điện tử”. Theo thỏa thuận, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho ông H với hạn mức 69.000.000 đồng, lãi suất cho vay được thỏa thuận trong “Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 21/4/2017” và “Bộ điều khoản và điều kiện về vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử”, mức lãi suất sẽ được Ngân hàng quy định cụ thể qua từng thời kỳ.

Thực hiện hợp đồng, ngày 28/4/2017 Ngân hàng đã mở thẻ tín dụng cho ông H và ông H đã thực hiện các giao dịch với dư nợ gốc là 66.129.610 đồng. Từ ngày 05/6/2017, ông Hiếu vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc, lãi cho Ngân hàng nên Ngân hàng đã chuyển khoản nợ của ông H sang nợ quá hạn.

Ngân hàng yêu cầu ông H phải trả cho Ngân hàng khoản nợ gốc của giao dịch vay tiền ngày 21/4/2017 là 66.129.610 đồng và khoản lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 89.433.023 đồng. Ngân hàng yêu cầu tiếp tục tính lãi với ông H từ ngày 24/10/2019 trên số tiền nợ gốc còn lại cho đến khi trả hết nợ gốc, theo mức lãi suất thỏa thuận tại “Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 21/4/2017” và “Bộ điều khoản và điều kiện về vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử”.

Tổng số tiền gốc ông Lê Trung H phải trả cho Ngân hàng là: 2.919.943 đồng + 66.129.610 đồng = 69.049.553 đồng.

Tổng số tiền lãi ông Lê Trung H phải trả cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 28.114.100 đồng + 89.433.023 đồng = 117.547.123 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm hiện nay, thấy rằng Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự.

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là vi phạm khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn vắng mặt đến lần thứ 2 mà không có lý do, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh V khởi kiện yêu cầu ông Lê Trung H trả nợ vay, đây là quan hệ pháp luật về “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, ông H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng ông H không cung cấp chứng cứ, không đến Tòa án làm bản khai để phản bác yêu cầu của nguyên đơn, từ bỏ quyền lợi hợp pháp của mình, do đó Tòa án căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án. Mặt khác, ông H vắng mặt tại phiên hòa giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được vụ án. Tại phiên tòa ngày hôm nay ông H vắng mặt đến lần thứ 2 mà không có lý do, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Xét Giấy ủy quyền ngày 18/10/2019 của ông Đỗ Thành T ủy quyền cho ông Bùi Quốc T tham gia tố tụng giải quyết vụ án là hợp lệ, được Tòa án chấp nhận.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Xét giao dịch vay tài sản ngày 23/01/2017:

Xét thấy, giao dịch vay tài sản ngày 23/01/2017 giữa ông Lê Trung H và Ngân hàng là loại vay tín chấp. Khi xác lập giao dịch các bên có thỏa thuận thời hạn vay là 36 tháng (từ ngày 23/01/2017 đến ngày 23/01/2020) trả gốc và lãi theo kỳ hạn. Do ông H vi phạm kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận với Ngân hàng nên Ngân hàng được quyền khởi kiện đối với ông H để thu hồi nợ.

Xét yêu cầu về tiền gốc: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ gốc còn lại là 2.919.943 đồng. Căn cứ vào “Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử” ngày 23/01/2017 cho thấy ông H vay 46.000.000 đồng của Ngân hàng. Căn cứ vào lịch trả nợ do nguyên đơn cung cấp thì ông Hiếu đã trả cho Ngân hàng được 43.080.057 đồng tiền nợ gốc. Do đó, Hội đồng xét xử cần buộc ông H phải trả cho Ngân hàng số nợ gốc còn lại là 2.919.943 đồng.

Xét yêu cầu về tiền lãi: Căn cứ vào “Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử” ngày

23/01/2017 Ngân hàng thỏa thuận với ông H về mức lãi suất vay là 35%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Xét thấy, mức lãi suất mà các bên thỏa thuận là phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Căn cứ vào lịch trả nợ do nguyên đơn cung cấp thì ông H mới trả cho Ngân hàng được 5.281.442 đồng tiền lãi. Do đó, Hội đồng xét xử cần buộc ông H phải trả cho Ngân hàng số nợ lãi còn lại tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 23/10/2019 là 28.114.100 đồng. Ngoài ra, ông H còn phải trả tiền lãi cho Ngân hàng từ ngày 24/10/2019 trên số tiền nợ gốc còn lại cho đến khi trả hết nợ gốc, theo mức lãi suất thỏa thuận tại “Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử” ngày 23/01/2017.

[2.2] Xét giao dịch vay tài sản ngày 21/4/2017:

Xét thấy ngày 21/4/2017, Ngân hàng và ông H còn xác lập với nhau một giao dịch vay tài sản bằng “Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ Ngân hàng điện tử” đây là loại hợp đồng vay tín chấp. Thực hiện hợp đồng, ngày 28/4/2017 Ngân hàng đã mở thẻ tín dụng cho ông H và ông H đã thực hiện các giao dịch với dư nợ gốc là 66.129.610 đồng. Tuy nhiên, ông H không trả nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng do đó Ngân hàng được quyền khởi kiện đối với ông H để thu hồi nợ.

Xét yêu cầu về tiền gốc: Căn cứ vào “Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ Ngân hàng điện tử” ngày 21/4/2017 thì Ngân hàng thỏa thuận cấp thẻ tín dụng cho ông H với hạn mức 69.000.000 đồng. Ngày 28/4/2017 Ngân hàng đã mở thẻ tín dụng cho ông H và ông H đã thực hiện các giao dịch với dư nợ gốc là 66.129.610 đồng số tiền này ông H vẫn chưa trả cho Ngân hàng. Do đó, Hội đồng xét xử cần buộc ông H phải trả cho Ngân hàng số nợ gốc 66.129.610 đồng.

Xét yêu cầu về tiền lãi: Căn cứ vào thỏa thuận trong “Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ Ngân hàng điện tử” ngày 21/4/2017 và “Bộ điều khoản và điều kiện về vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử” thì mức lãi suất của khoản vay sẽ được Ngân hàng quy định cụ thể qua từng thời kỳ. Xét thấy, mức lãi suất mà các bên thỏa thuận là phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho thấy từ ngày được Ngân hàng mở thẻ tín dụng tới nay ông H vẫn chưa trả nợ lãi cho Ngân hàng. Do đó, Hội đồng xét xử cần buộc ông H phải trả cho Ngân hàng số nợ lãi của giao dịch vay tài sản ngày 21/4/2017 tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 23/10/2019 là 89.433.023 đồng. Ngoài ra, ông H còn phải trả tiền lãi cho Ngân hàng từ ngày 24/10/2019 trên số tiền nợ gốc còn lại cho đến khi trả hết nợ gốc, theo mức lãi suất thỏa thuận tại “Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ Ngân hàng điện tử” ngày 21/4/2017 và “Bộ điều khoản và điều kiện về vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử”.

[2.3] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với giao dịch vay tài sản ngày 23/01/2017 và giao dịch vay tài sản ngày 21/4/2017 là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử buộc ông Lê Trung H phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc là: 2.919.943 đồng + 66.129.610 đồng = 69.049.553 đồng và tổng số tiền lãi là: 28.114.100 đồng + 89.433.023 đồng = 117.547.123 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền nguyên đơn yêu cầu được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Lê Trung H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh V số tiền 186.596.676 đồng (một trăm tám mươi sáu triệu, năm trăm chín mươi sáu nghìn, sáu trăm bảy mươi sáu đồng): Trong đó nợ gốc của giao dịch vay tài sản ngày 23/01/2017 là 2.919.943 đồng (hai triệu, chín trăm mười chín nghìn, chín trăm bốn mươi ba đồng); Nợ gốc của giao dịch vay tài sản ngày 21/4/2017 là 66.129.610 đồng (sáu mươi sáu triệu, một trăm hai mươi chín nghìn, sáu trăm mười nghìn đồng); Nợ lãi của giao dịch vay tài sản ngày 23/01/2017 là 28.114.100 đồng (hai mươi tám triệu, một trăm mười bốn nghìn, một trăm đồng); Nợ lãi của giao dịch vay tài sản ngày 21/4/2017 là 89.433.023 đồng (tám mươi chín triệu, bốn trăm ba mươi ba nghìn, không trăm hai mươi ba đồng). Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 24/10/2019 trên số tiền nợ gốc 2.919.943 đồng (hai triệu chín trăm mười chín nghìn chín trăm bốn mươi ba đồng) cho đến khi trả hết nợ gốc, theo mức lãi suất thỏa thuận tại “Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử” ngày 23/01/2017.

Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 24/10/2019 trên số tiền nợ gốc 66.129.610 đồng (sáu mươi sáu triệu một trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm mười đồng) cho đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại “Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ Ngân hàng điện tử” ngày 21/4/2017 và “Bộ điều khoản và điều kiện về vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử”.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm là 9.329.833 đồng (chín triệu, ba trăm hai mươi chín nghìn, tám trăm ba mươi ba đồng) buộc ông Lê Trung H phải chịu.

Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng số tiền

tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.742.702 đồng (ba triệu, bảy trăm bốn mươi hai nghìn, bảy trăm linh hai đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0017145 ngày 22/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 10;
- Chi cục THADS Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Xuân Hương